QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 63/2026/QH16

NGHỊ QUYẾT
Về chính sách đặc thù xử lý nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù về xử lý nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp đối với người nộp thuế ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký tính đến hết ngày 23 tháng 10 năm 2026 do cơ quan thuế xác định theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, pháp luật về quản lý thuế.

2. Việc xóa nợ lệ phí môn bài, tiền chậm nộp theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với số tiền đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Nghị quyết này mà người nộp thuế chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xóa nợ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Lệ phí môn bài* là thuế môn bài theo quy định của pháp luật về thuế phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, lệ phí môn bài theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí;

2. *Tiền chậm nộp* là tiền phạt chậm nộp phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2013, tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

3. *Tiền thuế nợ gốc* là tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh (trừ lệ phí môn bài) của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý thuế.

Điều 3. Xử lý nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài

1. Xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài đối với người nộp thuế đủ điều kiện quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.

2. Người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này chưa thực hiện khai, nộp lệ phí môn bài thì không phải khai, nộp và không tính tiền chậm nộp lệ phí môn bài.

Điều 4. Xử lý tiền chậm nộp

1. Xóa tiền chậm nộp đối với người nộp thuế đủ điều kiện quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã nộp đủ tiền thuế nợ gốc, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính (nếu có);

b) Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế hợp lệ, được cơ quan thuế tiếp nhận theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;

c) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp người nộp thuế không được xóa tiền chậm nộp bao gồm:

a) Người nộp thuế có hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ;

b) Chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký mà doanh nghiệp, tổ chức đang hoạt động hoặc tạm ngừng kinh doanh có thời hạn;

c) Người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Quy định tại điểm này không áp dụng đối với trường hợp người nộp thuế chỉ bán, thanh lý tài sản, hàng hóa còn lại để chấm dứt hoạt động và đã khai, nộp đủ số thuế phát sinh từ hoạt động này.

3. Việc xóa tiền chậm nộp quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với tiền chậm nộp lệ phí môn bài quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Người nộp thuế không phải lập hồ sơ đề nghị xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế căn cứ cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý thuế thực hiện xóa nợ lệ phí môn bài, tiền chậm nộp quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết này. Cơ quan quản lý thuế công khai kết quả xóa nợ trên Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và gửi thông tin cho người nộp thuế qua tài khoản giao dịch thuế điện tử (nếu có).

2. Đối với các hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế hợp lệ đã được cơ quan thuế tiếp nhận và người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này đã nộp đủ tiền thuế nợ gốc, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính (nếu có) vào ngân sách nhà nước chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2028 mà cơ quan

quản lý thuế chưa hoàn thành việc xóa tiền chậm nộp hoặc giải quyết thủ tục về khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì cơ quan quản lý thuế tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị quyết này.

3. Người nộp thuế đã nộp hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế hợp lệ chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2028 nhưng thuộc trường hợp đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử thì cơ quan quản lý thuế chưa xem xét xóa tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này. Sau khi có kết luận, quyết định hoặc văn bản của cơ quan thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử mà có đủ căn cứ xác định người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này và người nộp thuế đủ điều kiện xóa tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này thì cơ quan thuế tiếp tục xem xét, giải quyết theo quy định của Nghị quyết này.

4. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kịp thời xác định khoản tiền lệ phí môn bài và tiền chậm nộp đáp ứng đủ điều kiện xóa nợ theo quy định của Nghị quyết này để không áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với khoản tiền đáp ứng đủ điều kiện xóa nợ.

5. Trường hợp người nộp thuế đã được áp dụng chính sách đặc thù tại Điều 4 của Nghị quyết này nhưng sau đó cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện và đã thông báo cho cơ quan quản lý thuế về việc người nộp thuế thực tế thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này thì cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm rà soát, phục hồi khoản tiền chậm nộp đã được xóa theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này đã được xóa nợ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì không phải huỷ quyết định xoá nợ đã ban hành.

7. Chính phủ tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm 2028.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 11 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2028.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn